

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 29/8/2019
V/v: *Tranh chấp về hợp đồng
dân sự “Vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thành Bê

2. Ông Nguyễn Hữu Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2019/QĐST – DS ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị U, sinh năm: 1970. Cư trú: T 17, ấp XNA, xã TT, huyện AM, Kiên Giang. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Hà Minh T, sinh năm: 1983. Cư trú: Ấp XNA, xã TT, huyện AM, Kiên Giang. (Vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung khởi kiện ngày 30/8/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày và yêu cầu như sau:* Vào ngày 03/12/2016, vợ chồng anh Hà Minh T, chị Lê Thị Cẩm Q (Duyên) có hỏi vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 08 triệu/01 tháng/100 triệu đồng. Khi vay giữa 02 bên có làm “*hợp đồng cho vay mượn tiền*”. Thời hạn vay là 05 tháng, sau khi vợ chồng anh T nhận tiền thì có trả được 06 tháng tiền lãi là 43 triệu đồng và đến nay vợ chồng anh T không trả tiền gốc cũng không trả tiền lãi như đã thỏa thuận.

Cũng trong thời gian vợ chồng anh T vay tiền, vợ chồng anh T có mượn 01 sợi dây chuyền của bà U trọng lượng là 05 chỉ vàng 18kr.

Quá thời gian thỏa thuận trả nợ tiền và vàng, bà U nhiều lần nhắc nhở nhưng vợ chồng anh T không hoàn trả, bà có yêu cầu đến Ban lãnh đạo ấp Xẻo

Nhà A để giải quyết nhưng vợ chồng anh T luôn vắng mặt không tham dự nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T trả cho bà số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr, không yêu cầu trả tiền lãi. Sau khi khởi kiện thì anh T có trả cho bà U sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr, còn số tiền gốc anh T vẫn chưa trả cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà U được biết anh T tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà và bà cũng đồng ý.

Do đó, bà U xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà chỉ yêu cầu anh T trả cho bà số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi. Không yêu cầu chị Q (D) có trách nhiệm trả nợ cho bà.

** Theo nội dung anh Hà Minh T trình bày tại bản tự khai ngày như sau:*
Anh T xác nhận, trước đây vợ chồng anh có hỏi vay của bà U số tiền gốc là 100.000.000 đồng và mượn sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr. Lãi suất thỏa thuận 08 triệu đồng/tháng/100 triệu đồng. Sau khi vay thì anh có trả tiền lãi cho bà U đến cuối năm 2017 thì anh ngưng không trả cho đến nay. Đối với sợi dây chuyền thì anh đã trả cho bà U vào trước tết Nguyên Đán năm 2019. Do hiện nay anh và vợ (là chị Q) không còn chung sống cùng nhau nên anh tự chịu trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà U, nhưng anh xin trả dần làm 03 lần (ngày 03/6/2019 trả 30 triệu đồng; ngày 03/8/2019 trả 30 triệu đồng và 03/12/2019 trả 40 triệu đồng) và xin không trả phần tiền lãi.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn bà U xin rút lại 01 phần yêu cầu đối với sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr. Yêu cầu anh T trả cho bà 01 lần số tiền gốc còn lại là 100.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực và không yêu cầu trả tiền lãi.

- Bị đơn anh T vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 465, 466 và 468 BLDS năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà U, buộc anh T trả cho bà U số tiền gốc 100.000.000 đồng và anh T phải chịu án phí tương ứng với số tiền anh phải trả cho bà U. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà U đối với sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr do bà U rút lại yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Lê Thị U khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Hà Minh T, chị Lê Thị Cẩm Q (Duyên) (có nơi cư trú tại tổ 17, ấp XNA, xã TT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang) trả tiền vay mà vợ chồng anh T còn nợ bà. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng đối với anh Hà Minh T và chị Lê Thị Cẩm Q (Duyên) là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 72 BLTTDS nhưng trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với chị Q (Duyên) và xác định chỉ yêu cầu anh T có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, không yêu cầu chị Q (Duyên) cùng trả nợ. Xét thấy, nghĩa vụ trả nợ của chị Q (Duyên) trong vụ án này không còn nên Tòa án không tiếp tục đưa chị Q (Duyên) vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Vào ngày 03/12/2016, bà U có cho vợ chồng anh T vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 8.000.000 đồng/01 tháng/100 triệu và 01 sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr. Trong quá trình vay, vợ chồng anh T có làm biên nhận nợ, đã trả được sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18kr và tiền lãi nhưng anh T chưa trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng nên bà U khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh T trả số tiền gốc còn nợ lại là 100.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi.

2.1 Trong quá trình giải quyết vụ án và qua lời trình bày của bà U được anh T thừa nhận sự việc là vợ chồng anh có vay của bà U số tiền 100.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18kr, thỏa thuận lãi suất 8.000.000 đồng/01 tháng/100 triệu và vợ chồng anh T có làm biên nhận nợ, sau khi vay anh T có trả được cho bà U sợi dây chuyền và tiền lãi. Hiện nay, vợ chồng anh còn nợ lại số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền này anh tự chịu trách nhiệm trả cho bà U và được bà U đồng ý. Đây thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên bà U không phải chứng minh cho yêu cầu của mình về việc anh T còn nợ số tiền 100.000.000 đồng.

2.2 Xét yêu cầu của bà U về việc yêu cầu anh T trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, anh T là bên vay đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay như đã thỏa thuận nên anh T phải có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của bà U là phù hợp với quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015. Đối với việc bà U xin rU lại yêu cầu sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18kr thì HĐXX thấy rằng đây là sự tự nguyện của bà U, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Ngoài ra, số tiền lãi của hợp đồng vay, bà U không yêu cầu anh T tiếp tục trả nên HĐXX ghi nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị U và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc anh Hà Minh T trả cho bà Lê Thị U số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18kr của bà U.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Hà Minh T phải chịu án phí trên số tiền phải trả (100.000.000 đồng x 5%) là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Do yêu cầu của bà U được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với sợi dây chuyền trọng lượng 05 chỉ vàng 18kr của bà Lê Thị U đối với anh Hà Minh T.

2. Buộc anh Hà Minh T trả cho bà Lê Thị U số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Anh Hà Minh T phải chịu án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị U số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 2.775.000 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0006206 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà U có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/8/2019).

Riêng anh Hà Minh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (*sửa đổi bổ sung năm 2014*).

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh